

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 9 năm 2020

“V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh T

Ông Nguyễn Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn Thành Công, xã Triệu Đề, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Thôn Thành Công, xã Triệu Đề, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 27/4/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị kết hôn với anh T ngày 01/9/2008, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Đề. Sau khi kết hôn chị về chung sống và làm ăn cùng gia đình anh T. Quá trình vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì liên tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên mâu thuẫn cãi, chửi nhau, anh T nhiều lần đánh chị và chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở sau đó anh T lại sang xin lỗi, vợ

chồng về đoàn tụ. Tháng 3/2020 chị bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ cho từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con là Nguyễn Thị Thảo Ngân, sinh ngày 21/7/2010 và Nguyễn Quốc Toàn, sinh ngày 07/01/2013; hiện hai cháu đang ở cùng chị. Ly hôn, chị xin đề nghị mỗi người nuôi một cháu.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong biên bản lời khai ngày 15/5/2020 và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Anh T trình bày:

Anh xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như chị Th trình bày là đúng. Trong thời gian vợ chồng chung sống gần như không xảy ra mâu thuẫn nhưng tính chị Th bùng bột, đôi lúc thất thường nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị Th đã 04 lần tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ, có lần vì lý do bố, mẹ chị sang mượn tiền của anh, nhưng do anh không có sẵn nên bố chị Th liền bảo chị Th viết đơn bỏ anh. Từ tháng 9/2019, xảy ra mâu thuẫn việc chị Th bảo anh rút tiền nhưng do anh không rút nên vợ chồng mâu thuẫn, chị Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay chị Th xin ly hôn, anh không đồng ý vì vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì. Còn nếu chị Th quyết tâm xin ly hôn thì đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo ý của chị Th.

Về con chung: Anh xác định như chị Th trình bày là đúng. Nếu có sự ly hôn, anh đề nghị để chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con và anh sẽ không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th vì chị Th tự bỏ đi và tự ý xin ly hôn anh.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến giai đoạn Hội đồng xét xử, nghị án đã thực hiện đầy đủ, trình tự đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Th được ly hôn anh T; giao cho chị Th, anh T mỗi người nuôi một con chung và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức do chị Th và anh T không đề nghị giải quyết nên không xem xét; về án phí, chị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị Th và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp Hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn và nuôi con chung”. Bị đơn là anh Nguyễn Anh T có địa chỉ tại xã Triệu Đề, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Toà án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh T đến phiên tòa, thông báo và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Cuộc hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Th và anh Nguyễn Anh T là cuộc hôn nhân hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất được với nhau trong làm ăn nên từ đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tháng 03/2020, chị Th bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ cho đến nay. Nay chị Th xin ly hôn còn anh T xin đoàn tụ.

Xét đề nghị của chị Th và anh T thấy rằng: Tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc xin đoàn tụ của anh T là không thực tâm, chỉ nhằm mục đích kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, bởi lẽ trong suốt quá trình vợ chồng mâu thuẫn, chị Th làm đơn xin ly hôn và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng không có biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nên đề nghị của T là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, đề nghị của chị Th xin ly hôn anh T là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên được xem xét chấp nhận.

[3] Xét đề nghị về việc giao nuôi con chung của chị Th và anh T thấy rằng: Về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con chung của chị Th và anh T đều như nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung sau ly hôn và chị Th và anh T phải thực hiện nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên, nên cần căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị Th và anh T mỗi người nuôi một con chung và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị Th và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Cho chị Hoàng Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Anh T.

Giao cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thảo Ngân, sinh ngày 21/7/2010; giao anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quốc Toàn, sinh ngày 07/01/2013; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Sau khi ly hôn, anh T, chị Th đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị Th và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Hoàng Thị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0007699 ngày 05/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã Triệu Đề;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Lực

